

CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN
LIỆU Á CHÂU AIG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP.HCM, Ngày 28 tháng 08 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) hợp nhất Bán niên năm tài chính 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

- Mã chứng khoán: AIG
- Địa chỉ: Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương Mại Nam, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ/Tel: 028 5416 1386
- Fax:
- Email:
- Website: www.asiagroup-vn.com

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên năm tài chính 2025
 - ☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - ☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
 - + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):
 - ☐ Có ☒ Không
 - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
 - ☐ Có ☒ Không
 - + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 28/08/2025 tại đường dẫn: www.asiagroup-vn.com

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.



Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Tài liệu đính kèm:

- BCTC bán niên hợp nhất năm tài chính 2025
- Văn bản giải trình thay đổi lợi nhuận bán niên 2025 so với cùng kỳ



Nguyễn Bảo Tùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN
NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 28 tháng 08 năm 2025

**GIẢI TRÌNH THAY ĐỔI LỢI NHUẬN BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN
NĂM 2025 SO VỚI CÙNG KỲ**

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng khoán nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG**

Tên Tiếng Anh: **AIG ASIA INGREDIENTS CORPORATION**

Địa chỉ trụ sở chính: **Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương Mại Nam, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**

Điện thoại: **028 5416 1386**

Website: **www.asiagroup-vn.com**

Người thực hiện CBTT: **Ông Nguyễn Bảo Tùng**

Chức danh: **Người đại diện theo pháp luật**

Loại thông tin công bố:

☒ Định kỳ

☐ Bất thường

☐ Theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Ngày 28/08/2025, CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG (“Công ty”) phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm tài chính 2025 đã được soát xét bởi Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam.

Theo đó, Công ty xin giải trình nguyên nhân lợi nhuận sau thuế Bán niên 2025 tăng hơn 10% so với Bán niên 2024 như sau:

Đơn vị: đồng				
Mã số	Chỉ tiêu	6 tháng 2025	6 tháng 2024	% Tăng/(Giảm)
50	15. Lợi nhuận thuần trước thuế	607.903.984.558	534.470.732.484	13,74%
60	18. Lợi nhuận sau thuế	489.543.226.114	431.805.076.178	13,37%

Một số nguyên nhân:

- **Mã số 20:** Lợi nhuận gộp Bán niên 2025 tăng 13% so với cùng kỳ do sự cải thiện về doanh số bán hàng so với Bán niên 2024.
- **Mã số 24:** Công ty ghi nhận khoản thu nhập đáng kể được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế của GCF (công ty liên kết) trong Bán niên 2025 trong khi chưa phát sinh khoản thu nhập này cùng kỳ năm trước

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người đại diện theo pháp luật

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Bảo Tùng



Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025



**Shape the future
with confidence**

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7 - 8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 50

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0314524981 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 7 năm 2017, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ hiện tại của Công ty là tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật), dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa, sản xuất, phối trộn, kinh doanh nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm, cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương mại Nam, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thiên Trúc	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 21 tháng 2 năm 2025 và bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2025
	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 2 năm 2025 và miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2025
Ông Bernhard Hackl	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 21 tháng 2 năm 2025 và miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2025
Ông Phạm Đăng Long	Thành viên	
Ông Nguyễn Bá Lương	Thành viên	
Ông Lars Kjaer	Thành viên	
Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên	
Ông Bharat Venkatarama	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Ngọc Sang	Trưởng Ban
Bà Đỗ Thị Kim Chung	Thành viên
Bà Hà Thị Bích Vân	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Bảo Tùng	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Bá Lương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Đăng Long	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phan Duy Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Huỳnh Thanh Lâm	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy	Giám đốc Tài chính	bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2025
Ông Nguyễn Thảo	Giám đốc Tài chính	miễn nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Bảo Tùng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

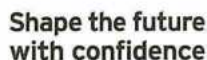
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Bảo Tùng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2025



Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 0012117582/E-68588770-LR-HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn"), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 50, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trong yếu tố gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành công việc soát xét theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ernst & Young Việt Nam



Ernest Young Chin Kang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1891-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		8.478.670.816.934	7.441.531.481.397
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	673.371.723.434	730.832.456.137
111	1. Tiền		368.838.064.227	369.654.793.074
112	2. Các khoản tương đương tiền		304.533.659.207	361.177.663.063
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		2.191.440.563.717	1.938.881.886.448
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	2.191.440.563.717	1.938.881.886.448
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.044.972.246.087	1.918.661.246.304
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	1.814.766.009.938	1.668.215.700.737
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	183.386.181.432	216.554.629.010
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	96.522.059.560	61.944.613.394
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7.1	(49.702.004.843)	(28.053.696.837)
140	IV. Hàng tồn kho	9	3.341.327.795.765	2.666.345.462.988
141	1. Hàng tồn kho		3.380.726.784.479	2.706.596.993.455
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(39.398.988.714)	(40.251.530.467)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		227.558.487.931	186.810.429.520
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	32.313.518.870	24.317.824.105
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		194.646.942.708	161.495.804.854
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	598.026.353	996.800.561
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.171.941.765.838	3.101.272.299.419
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.714.544.430	1.698.459.430
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	1.714.544.430	1.698.459.430
220	II. Tài sản cố định		1.552.325.670.211	1.438.140.442.945
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	1.521.003.210.147	1.406.024.982.571
222	Nguyên giá		2.414.906.908.194	2.231.421.198.227
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(893.903.698.047)	(825.396.215.656)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	31.322.460.064	32.115.460.374
228	Nguyên giá		50.253.459.332	48.825.351.599
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(18.930.999.268)	(16.709.891.225)
230	III. Bất động sản đầu tư		110.034.690.092	110.034.690.092
231	1. Nguyên giá	13	110.034.690.092	110.034.690.092
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		249.482.717.463	176.724.963.289
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	249.482.717.463	176.724.963.289
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		439.449.500.631	553.279.227.336
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	15.1	436.616.265.976	552.379.143.336
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.633.122.655	-
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	15.2	1.200.112.000	900.084.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		818.934.643.011	821.394.516.327
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	818.934.643.011	821.394.516.327
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		11.650.612.582.772	10.542.803.780.816

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		5.232.275.904.898	4.530.276.670.763
310	I. Nợ ngắn hạn		5.001.041.964.030	4.427.710.561.518
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16.1	1.289.928.494.384	1.182.900.198.965
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16.2	33.781.385.928	32.608.522.534
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	104.448.745.341	73.521.037.429
314	4. Phải trả người lao động		854.998.764	2.977.337.705
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	87.275.637.733	171.868.064.993
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		7.000.000	7.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	80.729.983.072	6.756.313.960
320	8. Vay ngắn hạn	20	3.185.092.927.160	2.748.989.964.901
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.17	218.922.791.648	208.082.121.031
330	II. Nợ dài hạn		231.233.940.868	102.566.109.245
338	1. Vay dài hạn	20	216.354.226.160	82.415.969.726
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	28.3	8.605.718.398	13.766.143.209
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn		6.273.996.310	6.383.996.310
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		6.418.336.677.874	6.012.527.110.053
410	I. Vốn chủ sở hữu	21.1	6.418.336.677.874	6.012.527.110.053
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.706.012.980.000	1.706.012.980.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.706.012.980.000	1.706.012.980.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		174.000.000.000	174.000.000.000
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		12.674.820.925	9.405.801.018
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		29.884.223.256	29.884.223.256
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.650.392.622.492	3.258.026.961.488
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		3.258.026.961.488	2.702.991.886.810
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		392.365.661.004	555.035.074.678
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		845.372.031.201	835.197.144.291
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		11.650.612.582.772	10.542.803.780.816

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2025

Vũ Minh Đức
Người lập

Nguyễn Thị Ánh Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Bảo Tùng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	6.999.673.001.396	5.792.380.335.573
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(22.723.790.371)	(13.388.661.929)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	6.976.949.211.025	5.778.991.673.644
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23, 27	(5.913.409.926.954)	(4.834.284.072.819)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.063.539.284.071	944.707.600.825
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	97.152.983.768	91.125.156.494
22 23	7. Chi phí tài chính - Trong đó: Chi phí lãi vay	24	(83.146.265.231) (68.268.873.133)	(68.054.766.753) (50.604.960.325)
24	8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	15.1	20.437.016.224	148.557.097
25	9. Chi phí bán hàng	25, 27	(196.766.540.049)	(177.303.594.812)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25, 27	(297.578.991.427)	(257.795.801.928)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		603.637.487.356	532.827.150.923
31	12. Thu nhập khác	26	4.725.558.882	3.505.188.608
32	13. Chi phí khác	26	(459.061.680)	(1.861.607.047)
40	14. Lợi nhuận khác	26	4.266.497.202	1.643.581.561
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		607.903.984.558	534.470.732.484
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(123.521.183.255)	(107.281.106.102)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	28.3	5.160.424.811	4.615.449.796
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		489.543.226.114	431.805.076.178

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		406.952.053.315	360.946.915.015
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		82.591.172.799	70.858.161.163
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	21.4	2.322	2.045
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	21.4	2.322	2.045

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2025



Vũ Minh Đức
Người lập



Nguyễn Thị Ánh Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Bảo Tùng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		607.903.984.558	534.470.732.484
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	11, 12	77.061.670.959	64.930.632.985
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		20.685.766.253	(1.098.628.070)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(61.318.207)	(72.451.409)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(84.247.465.815)	(69.315.579.825)
06	Chi phí lãi vay	24	68.268.873.133	50.604.960.325
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		689.611.510.881	579.519.666.490
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(203.149.975.049)	136.538.197.170
10	Tăng hàng tồn kho		(674.129.791.024)	(304.925.081.457)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		44.755.501.701	(10.063.577.191)
12	Tăng chi phí trả trước		(5.535.821.449)	(132.856.876.325)
14	Tiền lãi vay đã trả		(75.204.623.688)	(48.100.485.561)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(113.123.402.489)	(88.351.421.155)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(354.518.519)	(430.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(337.131.119.636)	131.330.421.971
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(213.114.530.070)	(130.720.724.774)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		6.441.582.491	2.423.706.918
23	Tiền chi cho vay và gửi tiết kiệm		(950.068.591.717)	(778.316.988.311)
24	Tiền thu hồi cho vay và tiền gửi tiết kiệm		697.209.886.448	1.211.819.884.824
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(444.669.547.655)
26	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		110.760.000.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức		58.928.903.510	51.521.583.109
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(289.842.749.338)	(87.942.085.889)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
31	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của cổ đông thiểu số	21.1	390.000.000	11.780.000.000
32	Tiền chi trả vốn góp cho cổ đông cổ đông thiểu số	21.1	(17.400.000)	(32.320.000)
33	Tiền thu từ đi vay	20	5.765.835.256.005	4.181.576.107.215
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	20	(5.195.997.337.275)	(4.161.377.924.029)
36	Cổ tức đã trả		(4.095.480.000)	(13.448.124.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		566.115.038.730	18.497.739.186
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(60.858.830.244)	61.886.075.268
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		730.832.456.137	383.275.909.584
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		3.398.097.541	6.527.706.379
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5	673.371.723.434	451.689.691.231

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2025

Vũ Minh Đức
Người lập

Nguyễn Thị Ánh Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Bảo Tùng
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0314524981 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 7 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ hiện tại của Công ty là tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật), dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa, sản xuất, phối trộn, kinh doanh nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm, cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở.

Công ty có trụ sở chính tại Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương mại Nam, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 1.368 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.306).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 10 công ty con trực tiếp, 3 công ty con gián tiếp, 1 công ty liên kết trực tiếp và 2 công ty liên kết gián tiếp, chi tiết như sau:

Các công ty con bao gồm:

► Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu ("ACC")

ACC là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0304918352 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 4 năm 2007 và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. ACC có trụ sở chính đăng ký tại Lô K4B, Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân, Đường số 4, Xã Lê Minh Xuân, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ACC là cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho nhiều ngành công nghiệp bao gồm thực phẩm và nước giải khát, sản phẩm từ sữa, thủy sản, dược phẩm và bánh kẹo.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty nắm 96,34% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong ACC (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 96,34% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

► Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn ("AFI")

AFI là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3700916876 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 7 tháng 5 năm 2008 và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. AFI có trụ sở chính đăng ký tại Lô C-9E-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thành phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký hiện tại của AFI là sản xuất thực phẩm, các sản phẩm kem béo thực vật và các loại nguyên liệu thực phẩm khác.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty nắm 64,01% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AFI (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 64,01% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

► Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu ("ACP")

ACP là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1300975859 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bến Tre cấp ngày 19 tháng 12 năm 2014 và các GCNĐKDN điều chỉnh. ACP có trụ sở chính đăng ký tại Lô EI-2, EI-3, EI-4, Khu Công nghiệp Giao Long - Giai đoạn II, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký hiện tại của ACP là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ dừa (cơm dừa sấy khô, bột sữa dừa, sữa dừa, nước cốt dừa đông lạnh, thạch dừa và dầu dừa) phục vụ cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty nắm 73,42% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong ACP (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 73,42% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty có 10 công ty con trực tiếp, 3 công ty con gián tiếp, 1 công ty liên kết trực tiếp và 2 công ty liên kết gián tiếp, chi tiết như sau: (tiếp theo)

Các công ty con bao gồm: (tiếp theo)

► Công ty Cổ phần APIS ("APIS")

APIS là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0312705358 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 25 tháng 3 năm 2014 và các GCNĐKDN điều chỉnh. APIS có trụ sở chính đăng ký tại Lô số 18A VSIP II - A, Đường số 27, Khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore II - A, Xã Vĩnh Tân, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký hiện tại của APIS là sản xuất, kinh doanh nguyên liệu thực phẩm, thực phẩm chức năng và tinh dầu.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty nắm 76,96% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong APIS (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 76,96% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

► Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn ("AHS")

AHS trước đây là Công ty TNHH Chế Biến Nông Sản Hoa Sơn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 2901627664 do Sở KH&ĐT Tỉnh Nghệ An cấp ngày 23 tháng 5 năm 2013, và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. Công ty được đổi tên theo GCNĐKDN điều chỉnh số 2901627664 do Sở KH&ĐT Tỉnh Nghệ An cấp ngày 13 tháng 12 năm 2018. AHS có trụ sở chính tại Xóm 12, Xã Hoa Sơn, Huyện Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của AHS là sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; sản xuất đường, thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty nắm giữ 99,995% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AHS (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 99,995% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

► Công ty TNHH Thực phẩm AFC ("AFC")

AFC là một công ty công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3702533540 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 10 tháng 2 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh. AFC có trụ sở chính đăng ký tại Lô C-9F-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thành phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính theo đăng ký của AFC là sản xuất và kinh doanh thực phẩm.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty nắm 100% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AFC (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 100% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

► Công ty Cổ phần Thương mại VICTA ("VICTA")

VICTA trước đây là Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Á Châu ("AIC") được thành lập theo luật doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0313428499 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 9 năm 2015 và các GCNĐKDN điều chỉnh. Công ty được đổi tên theo GCNĐKDN điều chỉnh số 0313428499 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 4 năm 2023. VICTA có trụ sở chính đăng ký tại Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương mại Nam, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký hiện tại của VICTA là bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp, bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản, cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty nắm giữ 99,98% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong VICTA (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 99,98% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty có 10 công ty con trực tiếp, 3 công ty con gián tiếp, 1 công ty liên kết trực tiếp và 2 công ty liên kết gián tiếp, chi tiết như sau: (tiếp theo)

Các công ty con bao gồm: (tiếp theo)

► **Công ty Cổ phần Công nghệ Nông sản Á Châu ("ATC")**

ATC là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3502478571 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 13 tháng 6 năm 2022. ATC có trụ sở chính tại: Lô L, Đường Đ.20, KCN Châu Đức, Thôn Hữu Phước, Xã Suối Nghệ, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ATC là sản xuất, gia công và bán buôn cà phê.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty nắm 99,50% phần vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong ATC (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 99,50% phần vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết).

► **Công ty Asia Chemical Corporation (ACC) Pte. Ltd ("ACC PTE")**

ACC PTE là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Singapore theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 201756070K do Cơ quan Kế toán và Doanh nghiệp Singapore cấp ngày 15 tháng 12 năm 2017. ACC PTE có trụ sở chính đăng ký tại 160 Robinson Rd, #26-04 SBF Center, Singapore 068914. Hoạt động chính theo đăng ký của ACC PTE là tư vấn doanh nghiệp và quản lý; kinh doanh buôn bán chung (bao gồm xuất nhập khẩu chung).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty nắm giữ 96,34% tỷ lệ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong ACC PTE (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 96,34% tỷ lệ sở hữu và 100% quyền biểu quyết) thông qua công ty con.

► **Công ty TNHH Á Châu Healthcare ("AHC")**

AHC trước đây là Công ty TNHH Pierre Fabre Việt Nam được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 3600246593 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 23 tháng 10 năm 1995 và theo các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. Công ty được đổi tên theo GCNĐKDN điều chỉnh số 3600246593 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20 tháng 08 năm 2020. AHC có trụ sở chính tại Số 01, đường 4A, Khu Công nghiệp Biên Hòa 2, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của AHC là sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty nắm giữ 91,52% tỷ lệ sở hữu và 95,00% quyền biểu quyết trong AHC (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 91,52% tỷ lệ sở hữu và 95,00% quyền biểu quyết) thông qua công ty con.

► **Công ty Cổ phần Mekong Delta Gourmet ("MDG")**

MDG là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1102039618 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp ngày 26 tháng 9 năm 2023. MDG có trụ sở chính tại Lô C2, Đường Dọc 2, KCN Phú An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của MDG là chế biến và bảo quản rau quả.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty nắm giữ 99,2% phần vốn chủ sở hữu (nắm giữ trực tiếp 98%, nắm giữ gián tiếp thông qua công ty con là 1,2%) và 99,87% quyền biểu quyết trong MDG (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 99,2% tỷ lệ sở hữu (nắm giữ trực tiếp 98% và nắm giữ gián tiếp thông qua công ty con là 1,2%) và 99,87% quyền biểu quyết).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty có 10 công ty con trực tiếp, 3 công ty con gián tiếp, 1 công ty liên kết trực tiếp và 2 công ty liên kết gián tiếp, chi tiết như sau: (tiếp theo)

Các công ty con bao gồm: (tiếp theo)

► **Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients ("ASI")**

ASI là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0901155640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 29 tháng 2 năm 2024. ASI có trụ sở chính tại Thôn Chi Long, Xã Ngọc Long, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ASI là sản xuất hương liệu.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty nắm giữ 83,00% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong ASI (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 83,00% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

► **Công ty Cổ phần Thực phẩm Asia Shimakyu ("AFS")**

AFS là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3703261917 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 12 tháng 11 năm 2024. AFS có trụ sở chính đăng ký tại Số 18A-18B VSIP II-A, Đường số 27, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký hiện tại của AFS là sản xuất, phối trộn và đóng gói sản phẩm, nguyên liệu thực phẩm và phụ gia thực phẩm.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tập đoàn nắm 49,03% tỷ lệ sở hữu và 63,70% quyền biểu quyết trong AFS (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 50,03% tỷ lệ sở hữu và 65,00% quyền biểu quyết) thông qua công ty con.

Các công ty liên kết bao gồm:

► **Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C ("GCF")**

GCF là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3602503768 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 31 tháng 5 năm 2011 và theo các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. GCF có trụ sở chính tại Lô V-2E, Đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của GCF là bán buôn thực phẩm.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty nắm giữ 42,43% phần vốn chủ sở hữu trong GCF (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 44,50% phần vốn chủ sở hữu).

► **Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo ("TVH")**

TVH là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 3400516059 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Thuận cấp ngày 4 tháng 02 năm 2008 và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. TVH có trụ sở chính tại Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của TVH là sản xuất tảo Spirulina, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, xà phòng, thức ăn gia súc gia cầm và thủy sản.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tập đoàn nắm giữ 49% phần vốn chủ sở hữu trong TVH (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 49% tỷ lệ sở hữu) thông qua công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty có 10 công ty con trực tiếp, 3 công ty con gián tiếp, 1 công ty liên kết trực tiếp và 2 công ty liên kết gián tiếp, chi tiết như sau: (tiếp theo)

Các công ty liên kết bao gồm: (tiếp theo)

► Công ty Cổ phần Công Nghiệp Lạnh Á Châu ("ACI")

ACI là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1101880095 do Sở KH&ĐT Tỉnh Long An cấp ngày 16 tháng 4 năm 2018 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh. ACI có trụ sở chính tại Lô 3C-6, Đường số 12, KCN Long Hậu 3, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ACI là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tập đoàn nắm giữ 20,00% phần vốn chủ sở hữu trong ACI (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 40,00% tỷ lệ sở hữu) thông qua các công ty con.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, Chuẩn mực kế toán Việt Nam ("CMKTVN") khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 **Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký Chung.

2.3 **Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 **Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa và công cụ, dụng cụ - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Giá gốc thành phẩm bán thành phẩm, hàng hóa áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tập đoàn không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	18 - 35 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 12 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	4 - 10 năm
Nhãn hiệu, tên thương mại	10 năm
Tài sản khác	4 - 5 năm
Quyền sử dụng đất	18 - 50 năm
Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	20 - 40 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng vô thời hạn không cần trích khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả, theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh được Tập đoàn ghi nhận toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

3.12 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Ngoài ra, khi có sự thay đổi được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, Tập đoàn sẽ ghi nhận phần chia sẻ của mình tương ứng với các thay đổi đó trong vốn chủ sở hữu. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư vào liên doanh

Phần vốn góp của Tập đoàn trong các hoạt động kinh doanh được đồng kiểm soát được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bằng cách hạch toán:

- giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu và các công nợ mà Tập đoàn có nghĩa vụ thực hiện; và
- các khoản chi phí phát sinh cũng như phần thu nhập mà Tập đoàn được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.14 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Tập đoàn. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

3.16 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Chuyển đổi báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con hoạt động ở nước ngoài

Báo cáo tài chính của ACC PTE được lập theo đồng tiền khác với đồng tiền VND của Tập đoàn. Báo cáo chuyển đổi của ACC PTE được xác định theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục được phân loại là tài sản và nợ phải trả được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá thực tế bình quân tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- ▶ Khoản mục vốn điều lệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày có giao dịch;
- ▶ Khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá của các khoản mục tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; và
- ▶ Các khoản mục thuộc báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá thực tế bình quân trong kỳ kế toán.

Tỷ giá thực tế bình quân tại ngày kết thúc kỳ kế toán là bình quân tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty con thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá thực tế bình quân tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 26.120 VND/USD.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tỷ giá thực tế bình quân trong kỳ kế toán được xác định dựa trên bình quân của tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty con thường xuyên có giao dịch tại đầu và cuối mỗi tháng của tất cả các tháng trong kỳ. Tỷ giá thực tế bình quân trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 25.663 VND/USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc chuyển đổi báo cáo được trình bày tại khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" – Mã số 417 trong vốn chủ sở hữu.

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông thường niên phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại Hội đồng Cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.20 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.21 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng được của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Hoạt động sản xuất và mua bán sản phẩm và dịch vụ cho nhiều ngành công nghiệp bao gồm thực phẩm, hương liệu, nguyên liệu thực phẩm, sản phẩm từ sữa, dừa, nước giải khát, thủy sản, dược phẩm, bánh kẹo và mỹ phẩm; nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Tập đoàn, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Tập đoàn, do vậy Ban Tổng Giám đốc đã định rằng Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất. Hơn nữa, Ban Tổng Giám đốc cũng xác định báo cáo bộ phận của Tập đoàn theo khu vực địa lý dựa theo địa điểm của tài sản là ở Việt Nam.

3.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIẾN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

Vào ngày 20 tháng 1 năm 2025, Tập đoàn đã hoàn tất việc chuyển nhượng 9.140.000 cổ phần trong Công ty Cổ phần Công nghiệp Lạnh Á Châu ("ACI") với tổng giá trị là 109.680.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng quản trị Số 03/2024/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Công ty Cổ phần Thương mại VICTA. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong ACI giảm từ 40% xuống còn 20% tại thời điểm trên.

Vào ngày 21 tháng 1 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty Cổ phần Thương mại VICTA đã phê duyệt Nghị quyết Số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ về việc giảm vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thương mại VICTA từ 220.000.000.000 VND xuống 150.000.000.000 VND theo hình thức hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần. Theo đó, Công ty đã được hoàn trả một phần vốn góp trị giá 69.982.600.000 VND, tương ứng với 6.998.260 cổ phần đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại VICTA vào ngày 22 tháng 1 năm 2025.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Tiền mặt	3.983.020.533	5.731.923.416
Tiền gửi ngân hàng	364.674.443.694	363.922.869.658
Tiền đang chuyển	180.600.000	-
Các khoản tương đương tiền (*)	304.533.659.207	361.177.663.063
TỔNG CỘNG	673.371.723.434	730.832.456.137

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 3,4%/năm đến 4,4%/năm.

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc trên sáu (6) tháng nhưng dưới mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 4,1%/năm đến 6,2%/năm.

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 20*, Tập đoàn đã dùng một phần khoản tiền gửi có kỳ hạn làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải thu các bên khác	1.814.282.954.934	1.668.215.700.737
<i>Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam</i>	478.052.721.358	381.623.608.855
<i>Các khách hàng khác</i>	1.336.230.233.576	1.286.592.091.882
Phải thu các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 29</i>)	483.055.004	-
TỔNG CỘNG	1.814.766.009.938	1.668.215.700.737
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(49.702.004.843)	(28.053.696.837)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.765.064.005.095	1.640.162.003.900

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 20*, Tập đoàn đã dùng một phần khoản phải thu khách hàng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Tập đoàn.

7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Công ty TNHH Wilmar Marketing CLV	31.084.787.560	41.920.231.152
Gea Process Engineering Pte.Ltd.	-	33.561.005.602
Bertuzzi Food Processing S.R.L.	15.724.657.048	23.063.450.712
Các người bán khác	136.576.736.824	118.009.941.544
TỔNG CỘNG	183.386.181.432	216.554.629.010

8. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn	96.522.059.560	61.944.613.394
Lãi tiền gửi ngân hàng	59.599.470.625	32.504.261.273
Tạm ứng cho nhân viên	20.335.580.815	11.540.957.792
Ký quỹ	9.352.110.748	8.918.510.748
Khác	7.234.897.372	8.980.883.581
Dài hạn	1.714.544.430	1.698.459.430
Ký quỹ dài hạn	1.714.544.430	1.698.459.430
TỔNG CỘNG	98.236.603.990	63.643.072.824
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu bên khác</i>	95.071.095.645	60.497.038.948
<i>Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	3.165.508.345	3.146.033.876

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Hàng hóa	1.628.131.309.684	1.330.646.498.486
Hàng đang đi trên đường	727.916.668.992	672.348.875.376
Thành phẩm	595.326.156.240	347.611.595.541
Nguyên vật liệu	321.214.145.673	251.889.957.946
Hàng gửi đi bán	43.072.039.626	52.922.327.260
Công cụ, dụng cụ	40.604.852.161	35.696.214.691
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	24.250.117.893	14.116.019.638
Thành phẩm từ gia công	211.494.210	1.365.504.517
TỔNG CỘNG	3.380.726.784.479	2.706.596.993.455
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(39.398.988.714)	(40.251.530.467)
GIÁ TRỊ THUẦN	3.341.327.795.765	2.666.345.462.988

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 20*, Tập đoàn đã dùng một phần hàng tồn kho làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Tập đoàn.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Số đầu kỳ	40.251.530.467	49.129.987.835
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	24.487.962.444	25.804.650.810
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(25.340.504.197)	(26.943.401.194)
Số cuối kỳ	39.398.988.714	47.991.237.451

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn	32.313.518.870	24.317.824.105
Phí bảo hiểm	5.598.472.701	2.386.928.230
Công cụ, dụng cụ	5.299.967.026	5.073.574.857
Chi phí thuê văn phòng	1.045.665.133	1.115.378.959
Khác	20.369.414.010	15.741.942.059
Dài hạn	818.934.643.011	821.394.516.327
Tiền thuê đất trả trước	763.061.709.388	769.362.687.199
Chi phí sửa chữa văn phòng, nhà kho	22.871.549.416	23.293.634.465
Công cụ, dụng cụ	19.681.398.812	17.186.361.980
Khác	13.319.985.395	11.551.832.683
TỔNG CỘNG	851.248.161.881	845.712.340.432

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 20*, Tập đoàn đã dùng một phần quyền sử dụng đất thuê làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	Tài sản khác	Tổng cộng
							VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	998.368.982.839	989.345.248.769	195.145.874.124	45.688.526.783	977.375.000	1.895.190.712	2.231.421.198.227
Mua mới	-	5.277.811.167	18.262.862.963	210.830.000	-	-	23.751.504.130
Xây dựng cơ bản	5.405.884.181	162.779.685.593	-	361.885.816	-	2.556.000.000	171.103.455.590
dỡ dỡ hoàn thành	(6.247.754.900)	-	(5.121.494.853)	-	-	-	(11.369.249.753)
Thanh lý	(595.498.140)	595.498.140	-	-	-	-	-
Khác	-	-	-	-	-	-	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	996.931.613.980	1.157.998.243.669	208.287.242.234	46.261.242.599	977.375.000	4.451.190.712	2.414.906.908.194
Trong đó:							
Đã khấu hao hết	38.331.177.768	146.819.811.930	63.395.122.256	9.347.189.007	-	1.344.106.258	259.237.407.219
Giá trị khấu hao lũy kế							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	(235.068.956.074)	(442.163.570.677)	(122.246.305.872)	(24.107.470.061)	(214.198.326)	(1.595.714.646)	(825.396.215.656)
Khấu hao trong kỳ	(22.901.040.293)	(39.351.334.160)	(10.489.299.953)	(2.012.007.314)	(13.360.798)	(73.520.398)	(74.840.562.916)
Thanh lý	1.349.618.737	-	4.983.461.788	-	-	-	6.333.080.525
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	(256.620.377.630)	(481.514.904.837)	(127.752.144.037)	(26.119.477.375)	(227.559.124)	(1.669.235.044)	(893.903.698.047)
Giá trị còn lại							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	763.300.026.765	547.181.678.092	72.899.568.252	21.581.056.722	763.176.674	299.476.066	1.406.024.982.571
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	740.311.236.350	676.483.338.832	80.535.098.197	20.141.765.224	749.815.876	2.781.955.668	1.521.003.210.147
Trong đó:							
Đã thế chấp (Thuyết minh số 20)	112.500.000.000	349.563.816.000	-	-	-	-	462.063.816.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu, tên thương mại	Phần mềm mấy tính	VND Tổng cộng
Nguyên giá				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	34.749.027.604	395.800.000	13.680.523.995	48.825.351.599
Mua trong năm	-	-	37.000.000	37.000.000
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	1.391.107.733	1.391.107.733
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	34.749.027.604	395.800.000	15.108.631.728	50.253.459.332
Trong đó:				
Đã hao mòn hết	-	-	4.338.271.822	4.338.271.822
Giá trị hao mòn lũy kế				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	(10.545.120.864)	(21.631.669)	(6.143.138.692)	(16.709.891.225)
Hao mòn trong kỳ	(1.043.508.666)	(19.789.998)	(1.157.809.379)	(2.221.108.043)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	(11.588.629.530)	(41.421.667)	(7.300.948.071)	(18.930.999.268)
Giá trị còn lại				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	24.203.906.740	374.168.331	7.537.385.303	32.115.460.374
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	23.160.398.074	354.378.333	7.807.683.657	31.322.460.064

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 20*, Tập đoàn đã dùng một phần quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Tập đoàn.

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	VND
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (*)	110.034.690.092

(*) Số dư này thể hiện giá trị tiền thuê đất trả trước cho quyền sử dụng đất thuê với diện tích 33.729 m² tại Lô C7e, đường Dọc 1, Khu Công nghiệp Phú An Thạnh, Xã Bến Lức, Tỉnh Tây Ninh. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Ban Tổng Giám đốc nắm giữ bất động sản này nhằm mục đích chờ tăng giá bán.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2025. Tuy nhiên, dựa trên tình hình giá thị trường của quyền sử dụng đất thuê này, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng giá trị thực tế của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị ghi sổ tại ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỒI DANG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Chi phí xây dựng nhà máy mới (*)	132.920.153.787	60.520.287.443
Mua sắm tài sản	111.119.608.292	113.291.970.393
Chi phí phát triển phần mềm	5.021.851.958	1.700.651.933
Khác	421.103.426	1.212.053.520
TỔNG CỘNG	249.482.717.463	176.724.963.289

(*) Số dư này chủ yếu thể hiện chi phí xây dựng Nhà máy Chế biến Dừa Á Châu Giai đoạn 2, tại Lô EI-2, EI-3 và EI-4, Khu Công nghiệp ("KCN") Giao Long Giai đoạn II, Xã Giao Long, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam; và Nhà máy chế biến và bảo quản rau quả tại Lô C2, Đường Dọc 2, KCN Phú An Thạnh, Xã Bến Lức, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

15.1 Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu như sau:

	TVH	Nature	ACH	ACI	GCF	VND Tổng cộng
Giá trị đầu tư						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	13.839.090.909	1.800.000.000		215.763.536.930	301.802.120.465	533.204.748.304
Thanh lý	-	(900.000.000)		(107.852.000.000)	-	(108.752.000.000)
Phân loại lại	-	(900.000.000)		-	-	(900.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	13.839.090.909	-		107.911.536.930	301.802.120.465	423.552.748.304
Phần lũy kế lãi (lỗ) sau khi liên doanh/mua các công ty liên doanh, liên kết						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	(4.048.690.059)	1.466.245.311		6.521.921.098	15.234.918.682	19.174.395.032
Chia cổ tức trong kỳ	-	-		-	(21.844.160.000)	(21.844.160.000)
Thanh lý	-	(733.122.656)		(3.237.488.273)	-	(3.970.610.929)
Phân loại lại	-	(733.122.655)		-	-	(733.122.655)
Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết được chia trong kỳ	(952.876.040)	-		534.005.036	20.855.887.228	20.437.016.224
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	(5.001.566.099)	-		3.818.437.861	14.246.645.910	13.063.517.672
Giá trị còn lại						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	9.790.400.850	3.266.245.311		222.285.458.028	317.037.039.147	552.379.143.336
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	8.837.524.810	-		111.729.974.791	316.048.766.375	436.616.265.976

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bảo hiểm nhân thọ tại Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân thọ Aviva Việt Nam (*)	1.200.112.000	900.084.000

(*) Tập đoàn đã mua bảo hiểm nhân thọ cho các thành viên Ban Tổng Giám đốc của AHS để đáp ứng điều kiện cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An. Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ này có kỳ hạn trả gốc năm (5) năm và hưởng lãi suất cố định hàng năm tới năm thứ mười sáu (16).

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

16.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải trả các bên khác	1.289.451.533.560	1.182.492.215.794
Open Country Dairy Limited	118.960.966.702	147.643.167.478
Firmenich Asia Private Limited	111.262.018.770	84.209.585.810
James Farrell & Co	100.313.754.125	61.821.118.326
Givaudan Singapore Pte Ltd	87.641.126.443	78.848.359.077
Công ty TNHH Givaudan Việt Nam	43.239.797.431	90.317.219.014
Người bán khác	828.033.870.089	719.652.766.089
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	476.960.824	407.983.171
TỔNG CỘNG	1.289.928.494.384	1.182.900.198.965

16.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Các bên khác trả tiền trước	33.645.605.328	32.401.461.934
Công ty TNHH Thương mại Quốc tế		
Blue Frog Thương Hải	4.889.259.704	898.489.580
Công ty TNHH Recess	-	165.685.740
Người mua khác	28.756.345.624	31.337.286.614
Bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 29)	135.780.600	207.060.600
TỔNG CỘNG	33.781.385.928	32.608.522.534

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Tăng trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi sang VND	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2025
Thuế thu nhập doanh nghiệp	59.342.178.127	123.521.183.255	(113.123.402.489)	11.896.490	69.751.855.383
Thuế giá trị gia tăng	5.216.964.290	224.934.703.405	(207.409.439.525)	-	22.742.228.170
Thuế nhập khẩu	(921.222.099)	84.806.668.893	(75.496.788.504)	-	8.388.658.290
Thuế thu nhập cá nhân	5.704.073.033	50.320.487.619	(53.062.245.067)	-	2.962.315.585
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	113.557.945	(113.557.945)	-	-
Thuế môn bài	-	53.000.000	(53.000.000)	-	-
Thuế khác	3.182.243.517	216.386.627	(3.392.968.584)	-	5.661.560
TỔNG CỘNG	72.524.236.868	483.965.987.744	(452.651.402.114)	11.896.490	103.850.718.988
Trong đó:					
Thuế phải nộp	73.521.037.429				104.448.745.341
Thuế nộp thừa	(996.800.561)				(598.026.353)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Lương tháng 13 và thưởng	50.295.729.908	143.144.983.838
Chi phí hỗ trợ bán hàng	13.359.228.240	9.954.936.029
Lãi vay	9.478.948.702	14.100.154.822
Khác	14.141.730.883	4.667.990.304
TỔNG CỘNG	87.275.637.733	171.868.064.993

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Cổ tức phải trả	72.209.284.000	500.000
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội, y tế và thất nghiệp	1.762.398.644	455.519.974
Nhận ký quỹ, ký cược	100.000.000	-
Phải trả khác	6.658.300.428	6.300.293.986
TỔNG CỘNG	80.729.983.072	6.756.313.960

20. VAY

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Vay ngắn hạn	3.185.092.927.160	2.748.989.964.901
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 20.1)	3.115.140.466.908	2.724.919.199.483
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 20.2)	69.952.460.252	24.070.765.418
Vay dài hạn	216.354.226.160	82.415.969.726
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 20.2)	216.354.226.160	82.415.969.726
TỔNG CỘNG	3.401.447.153.320	2.831.405.934.627

Tình hình tăng, giảm các khoản vay của Tập đoàn như sau:

	VND		
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Tổng cộng
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	2.748.989.964.901	82.415.969.726	2.831.405.934.627
Tiền thu từ đi vay	5.583.191.067.346	182.644.188.659	5.765.835.256.005
Tiền chi trả nợ gốc vay	(5.195.997.337.275)	-	(5.195.997.337.275)
Vay dài hạn đến hạn trả	48.705.932.225	(48.705.932.225)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	203.299.963	-	203.299.963
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	3.185.092.927.160	216.354.226.160	3.401.447.153.320

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Tập đoàn sử dụng các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng với lãi suất thả nổi, nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Kỳ hạn	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ USD		
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	337.391.601.373	-	Từ ngày 28 tháng 3 năm 2025 đến ngày 24 tháng 10 năm 2025	(**)
	751.772.742.039	-	Từ ngày 5 tháng 3 năm 2025 đến ngày 28 tháng 10 năm 2025	(*)
	63.372.683.669	-	Từ ngày 18 tháng 4 năm 2025 đến ngày 3 tháng 9 năm 2025	(**)
	59.831.061.085	-	Từ ngày 3 tháng 4 năm 2025 đến ngày 9 tháng 8 năm 2025	(*)
	54.864.267.520	-	Từ ngày 2 tháng 6 năm 2025 đến ngày 4 tháng 9 năm 2025	(**)
	416.144.437.810	-	Từ ngày 4 tháng 3 năm 2025 đến ngày 24 tháng 10 năm 2025	(*)
	53.149.178.560	-	Từ ngày 4 tháng 3 năm 2025 đến ngày 2 tháng 12 năm 2025	(**)
	170.325.193.918	-	Từ ngày 3 tháng 4 năm 2025 đến ngày 25 tháng 8 năm 2025	(*)
	122.882.135.010	-	Từ ngày 20 tháng 1 năm 2025 đến ngày 11 tháng 12 năm 2025	(*)

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn (tiếp theo)

Tập đoàn sử dụng các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng với lãi suất thả nổi nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, chi tiết như sau: (tiếp theo)

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ USD	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre	130.097.248.699	-	Từ ngày 3 tháng 4 năm 2025 đến ngày 30 tháng 10 năm 2025
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên	91.541.464.090	3.521.985,57	
The Siam Commercial Bank Public Company Limited	11.703.663.463	-	Từ ngày 12 tháng 11 năm 2024 đến ngày 12 tháng 1 năm 2026
	6.119.170.013	241.103,56	
	234.621.419.391	-	Từ ngày 4 tháng 3 năm 2025 đến ngày 24 tháng 10 năm 2025
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ Hưng	98.252.075.093	3.743.649,27	Từ ngày 18 tháng 4 năm 2025 đến ngày 26 tháng 9 năm 2025
MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	9.574.709.609	-	Từ ngày 30 tháng 5 năm 2025 đến ngày 17 tháng 7 năm 2025
Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikorn Bank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	413.799.630.828	-	Từ ngày 5 tháng 3 năm 2025 đến ngày 26 tháng 10 năm 2025
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Sài Gòn	62.158.618.482	-	Từ ngày 9 tháng 4 năm 2025 đến ngày 29 tháng 8 năm 2025
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn	27.539.166.256	-	Từ ngày 11 tháng 4 năm 2025 đến ngày 27 tháng 10 năm 2025
TỔNG CỘNG	3.115.140.466.908	7.506.738,4	

(*) Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(**) Các khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi, khoản phải thu khách hàng, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình tổng giá trị là 936.950.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.2 Vay ngân hàng dài hạn

Tập đoàn thực hiện các khoản vay dài hạn từ ngân hàng với lãi suất thả nổi, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Kỳ hạn	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
	VND			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre	165.279.055.926	Từ ngày 19 tháng 8 năm 2024 đến ngày 6 tháng 9 năm 2029	Tài trợ nhu cầu đầu tư xây dựng nhà máy	(*)
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	34.317.392.727	Từ ngày 30 tháng 10 năm 2024 đến ngày 30 tháng 10 năm 2027	Tài trợ Quyền sử dụng đất và xây dựng nhà kho	(*)
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn	86.710.237.759	Từ ngày 31 tháng 12 năm 2024 đến ngày 26 tháng 6 năm 2030	Tài trợ nhu cầu vốn lưu động	(*)
TỔNG CỘNG	286.306.686.412			

Trong đó:

Vay dài hạn 216.354.226.160
Vay dài hạn đến hạn trả 69.952.460.252

(*) Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình và quyền sử dụng đất thuê với tổng giá trị là 582.889.211.000 VND.

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tính hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	VND Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024:							
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.706.012.980.000	174.000.000.000	3.979.548.167	29.884.223.256	2.702.991.886.810	854.390.545.017	5.471.259.183.250
Mua công ty con	-	-	-	-	-	-	-
Vốn góp trong kỳ	-	-	-	-	-	1.269.982.078	1.269.982.078
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	11.780.000.000	11.780.000.000
Giảm vốn điều lệ trong kỳ của công ty con	-	-	-	-	360.946.915.015	70.858.161.163	431.805.076.178
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(32.320.000)	(32.320.000)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(12.076.494.418)	(458.730.128)	(12.535.224.546)
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	-	-	-	(29.847.710.000)	(29.847.710.000)
Chênh lệch do chuyển đổi sang VND	-	-	-	-	(120.797.858.151)	(123.264.141.849)	(244.062.000.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	1.706.012.980.000	174.000.000.000	10.216.266.224	29.884.223.256	2.931.064.449.256	784.932.690.334	5.636.110.609.070

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.1 *Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu* (tiếp theo)

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	VND Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025:							
Ngày 31 tháng							
12 năm 2024	1.706.012.980.000	174.000.000.000	9.405.801.018	29.884.223.256	3.258.026.961.488	835.197.144.291	6.012.527.110.053
Vốn góp							
trong kỳ	-	-	-	-	-	-	390.000.000
Lợi nhuận							
thuần trong kỳ	-	-	-	-	406.952.053.315	82.591.172.799	489.543.226.114
Giảm vốn điều							
lệ trong kỳ của	-	-	-	-	-	(17.400.000)	(17.400.000)
công ty con							
Trích lập quỹ	-	-	-	-	(10.785.497.987)	(409.691.149)	(11.195.189.136)
khen thưởng,							
phúc lợi	-	-	-	-	-	(76.304.264.000)	(76.304.264.000)
Cổ tức							
công bố	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch							
do chuyển							
đổi sang							
VND	-	-	3.269.019.907	-	-	124.174.936	3.393.194.843
Khác	-	-	-	-	(3.800.894.324)	3.800.894.324	-
Ngày 30 tháng							
6 năm 2025	1.706.012.980.000	174.000.000.000	12.674.820.925	29.884.223.256	3.650.392.622.492	845.372.031.201	6.418.336.677.874

PHÓ
CH
UY
CỔ
CỔ
3148

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
--	---	--

Vốn cổ phần

Số đầu kỳ và số cuối kỳ	1.706.012.980.000	1.706.012.980.000
-------------------------	-------------------	-------------------

21.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Cổ phiếu được phép phát hành	170.601.298	170.601.298
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	170.601.298	170.601.298
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>170.601.298</i>	<i>170.601.298</i>
Cổ phiếu đang lưu hành	170.601.298	170.601.298
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>170.601.298</i>	<i>170.601.298</i>

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

21.4. Lãi trên cổ phiếu

Bảng biểu sau đây thể hiện dữ liệu được dùng để tính lãi trên cổ phiếu:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty	406.952.053.315	360.946.915.015
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi; Quỹ từ thiện xã hội (*)	(10.785.497.987)	(12.076.494.418)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	396.166.555.328	348.870.420.597
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	170.601.298	170.601.298
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.322	2.045
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.322	2.045

(Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu)

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 trích lập với tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01.25/NQCD/ACC ngày 29 tháng 5 năm 2025 của ACC.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Doanh thu gộp	6.999.673.001.396	5.792.380.335.573
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	4.800.569.543.410	4.102.590.754.182
Doanh thu bán thành phẩm	2.197.211.608.831	1.688.123.101.256
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.494.787.341	1.666.480.135
Doanh thu bán phế liệu, vật liệu	397.061.814	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	(22.723.790.371)	(13.388.661.929)
Hàng bán bị trả lại	(17.062.511.121)	(11.817.100.992)
Chiết khấu thương mại	(5.553.694.238)	(1.508.047.596)
Giảm giá hàng bán	(107.585.012)	(63.513.341)
Doanh thu thuần	6.976.949.211.025	5.778.991.673.644
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	4.798.725.510.094	4.091.487.150.310
Doanh thu bán thành phẩm	2.176.331.851.776	1.685.838.043.199
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.494.787.341	1.666.480.135
Doanh thu bán phế liệu, vật liệu	397.061.814	-

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Lãi tiền gửi	64.185.829.075	69.811.958.014
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	32.929.790.063	20.925.269.595
Khác	37.364.630	387.928.885
TỔNG CỘNG	97.152.983.768	91.125.156.494

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Giá vốn hàng hóa đã bán	4.243.699.923.988	3.559.468.987.945
Giá vốn thành phẩm đã bán	1.670.027.075.623	1.275.365.900.983
Giá vốn dịch vụ cung cấp	-	158.144.218
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(317.072.657)	(708.960.327)
TỔNG CỘNG	5.913.409.926.954	4.834.284.072.819

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Lãi vay	68.268.873.133	50.604.960.325
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	12.914.781.169	17.449.806.428
Lỗ từ thanh lý khoản đầu tư tài chính	1.962.610.929	-
TỔNG CỘNG	83.146.265.231	68.054.766.753

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí bán hàng	196.766.540.049	177.303.594.812
Chi phí vận chuyển	79.442.344.411	54.259.239.435
Chi phí nhân viên	45.331.583.691	38.081.306.372
Chi phí hỗ trợ bán hàng, khuyến mãi và môi giới	35.352.023.046	49.454.823.930
Khác	36.640.588.901	35.508.225.075
Chi phí quản lý doanh nghiệp	297.578.991.427	257.795.801.928
Chi phí nhân viên	140.581.644.876	142.423.633.865
Chi phí khấu hao và hao mòn	29.892.477.719	24.136.882.354
Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng và thuê đất	14.875.557.710	17.602.283.336
Phân bổ lợi thuế thương mại	-	211.674
Khác	112.229.311.122	73.632.790.699
TỔNG CỘNG	494.345.531.476	435.099.396.740

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Thu nhập khác	4.725.558.882	3.505.188.608
Tiền bồi thường thiệt hại	2.682.333.182	2.780.241.769
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	1.587.231.445	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản khác	-	30.000.000
Khác	455.994.255	694.946.839
Chi phí khác	(459.061.680)	(1.861.607.047)
Bồi thường	(133.532.960)	-
Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	(644.935.286)
Chi phí thanh lý tài sản khác	-	(1.124.722.222)
Khác	(325.528.720)	(91.949.539)
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	4.266.497.202	1.643.581.561

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí mua hàng hóa	4.211.251.687.672	3.560.530.826.422
Chi phí mua nguyên vật liệu	1.417.966.131.173	921.874.174.953
Chi phí nhân viên	247.243.139.085	236.707.971.951
Chi phí khấu hao và hao mòn	77.061.670.959	64.930.421.311
Phân bổ lợi thuế thương mại	-	211.674
Chi phí mua ngoài khác	454.232.829.541	485.339.863.248
TỔNG CỘNG	6.407.755.458.430	5.269.383.469.559

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con thành lập tại Việt Nam là 20% thu nhập chịu thuế, và được hưởng các khoản ưu đãi thuế theo luật thuế hiện hành.

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho ACC PTE thành lập tại Singapore là 17% thu nhập chịu thuế và được hưởng các khoản ưu đãi thuế theo luật thuế hiện hành.

Báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ phải chịu sự kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.1 Chi phí thuế TNDN

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí thuế TNDN hiện hành	123.461.518.145	107.281.106.102
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu trong các năm trước	59.665.110	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(5.160.424.811)	(4.615.449.796)
TỔNG CỘNG	118.360.758.444	102.665.656.306

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	607.903.984.558	534.470.732.484
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	113.210.265.441	102.875.641.176
<i>Điều chỉnh</i>		
Chi phí không được trừ	9.025.249.083	1.395.691.244
Khấu hao và hao mòn của tài sản được đánh giá lại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh	435.452.006	566.702.898
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu trong các năm trước	59.665.110	-
Lỗ thuế chưa được ghi nhận thuế hoãn lại	7.629.424.424	4.526.110.144
Thuế được giảm của công ty con	(9.234.608.655)	(6.669.097.570)
Thay đổi dự phòng trợ cấp thôi việc và các khoản dự phòng khác	490.948.940	-
Khác	(3.255.637.905)	(29.391.586)
Chi phí thuế TNDN	118.360.758.444	102.665.656.306

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tập đoàn khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả, cùng với các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

VND

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ		
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	
Chênh lệch phát sinh do đánh giá lại tài sản từ hợp nhất công ty con	(23.341.919.147)	(23.515.682.042)	173.762.895	(2.073.001)
Các khoản dự phòng	273.501.526	120.495.436	153.006.090	(235.802.918)
Lãi chưa thực hiện	13.680.558.128	9.289.586.528	4.390.971.600	4.655.158.530
Chi phí trích trước	783.121.635	470.513.681	312.607.954	220.882.138
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(980.540)	(131.056.812)	130.076.272	(22.714.953)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần	(8.605.718.398)	(13.766.143.209)		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ			5.160.424.811	4.615.449.796

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.4 Lỗi chuyển sang các năm sau

Tập đoàn được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 liên tục năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn có khoản lỗ thuế lũy kế là 114.284.868.153 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 76.068.249.957 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND						
Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2025	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	
AIG						
2020	2025	1.634.599.571	(*)	-	-	1.634.599.571
2023	2028	17.690.244.000	(*)	-	-	17.690.244.000
2024	2029	51.157.923.583	(*)	-	-	51.157.923.583
2025	2030	34.851.046.539	(*)	-	-	34.851.046.539
AFC						
2021	2026	62.061.861	(*)	-	-	62.061.861
2022	2027	190.982.873	(*)	-	-	190.982.873
2023	2028	46.119.798	(*)	-	-	46.119.798
2024	2029	423.081.695	(*)	-	-	423.081.695
2025	2030	211.792.683	(*)			211.792.683
ATC						
2023	2028	1.046.331.497	(*)	-	-	1.046.331.497
2024	2029	1.028.408.595	(*)	-	-	1.028.408.595
2025	2030	492.371.390	(*)	-	-	492.371.390
MDG						
2024	2029	1.418.820.176	(*)	-	-	1.418.820.176
2025	2030	1.091.604.888	(*)	-	-	1.091.604.888
ASI						
2024	2029	1.369.473.485	(*)	-	-	1.369.473.485
2025	2030	1.545.630.539	(*)	-	-	1.545.630.539
ASF						
2024	2029	202.823	(*)	-	-	202.823
2025	2030	24.172.157	(*)	-	-	24.172.157
TỔNG CỘNG		114.284.868.153		-	-	114.284.868.153

(*) Lỗ thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty mẹ và các công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản lỗ thuế trị giá 114.284.868.153 VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 76.068.249.957 VND) do không thể dự tính được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Tập đoàn và các bên liên quan khác có giao dịch với Tập đoàn trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty Cổ phần Sinh phẩm Nature ACH ("Nature ACH")	Công ty liên doanh (đến tháng 1 năm 2025)
Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo ("TVH")	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công Nghiệp Lạnh Á Châu ("ACI")	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C ("GCF")	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần ARC Bình Dương	Công ty có chung nhân sự chủ chốt
Ông Bernhard Hackl	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT") (từ ngày 1 tháng 3 năm 2025 đến ngày 20 tháng 6 năm 2025)
Ông Nguyễn Thiên Trúc	Chủ tịch HĐQT (đến ngày 1 tháng 3 năm 2025 và từ ngày 20 tháng 6 năm 2025); Thành viên HĐQT (từ ngày 1 tháng 3 năm 2025 đến ngày 20 tháng 6 năm 2025)
Ông Phạm Đăng Long	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng Giám đốc tại công ty con
Ông Nguyễn Bá Lương	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
Ông Lars Kjaer	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên HĐQT
Ông Bharat Venkatarama	Thành viên HĐQT
Bà Lê Ngọc Sang	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Đỗ Thị Kim Chung	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Hà Thị Bích Vân	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Bảo Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thảo	Giám đốc Tài chính (đến ngày 6 tháng 5 năm 2025)
Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy	Giám đốc Tài chính (từ ngày 6 tháng 5 năm 2025)
Ông Nguyễn Viết Hùng	Cố đồng, thành viên HĐQT tại công ty con (đến ngày 1 tháng 7 năm 2024)
Ông Phan Duy Hiếu	Phó Tổng Giám đốc; Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc tại công ty con
Ông Huỳnh Thanh Lâm	Phó Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 và 30 tháng 6 năm 2024 bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Ông Nguyễn Viết Hùng	Nhận chuyển nhượng cổ phần	-	239.000.000.000
Công ty Cổ phần Sinh phẩm Nature ACH	Cung cấp dịch vụ	868.456.828	954.225.000
Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo	Mua hàng hóa	193.277.000	633.900.000
	Bán hàng hóa	-	98.747.500
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Thanh Hưng	Mua hàng hóa	-	102.487.629.037
	Bán hàng hóa	-	3.300.000.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C	Cổ tức được chia	21.844.160.000	-
	Cổ tức thực nhận	21.844.160.000	-
Công ty Cổ phần ARC Bình Dương	Mua hàng hóa, dịch vụ	2.113.020.339	539.712.551
	Bán hàng hóa, dịch vụ	19.340.136	84.800.208
	Thanh lý TSCĐ	181.818.182	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

		VND	
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty Cổ phần Sinh phẩm Nature ACH	Cung cấp dịch vụ	283.055.004	-
Công ty Cổ phần ARC Bình Dương	Cung cấp dịch vụ	200.000.000	-
		483.055.004	-
Phải thu ngắn hạn khác			
Ông Nguyễn Viết Đạt	Tạm ứng	3.071.080.000	3.071.080.000
Công ty Cổ phần Sinh phẩm Nature ACH	Chi hộ	94.428.345	74.953.876
		3.165.508.345	3.146.033.876

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

		VND	
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Người mua trả tiền trước ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Sinh phẩm Nature ACH	Bán hàng hóa	<u>135.780.600</u>	<u>207.060.600</u>
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo	Mua hàng hóa dịch vụ	94.400.000	48.160.000
Công ty Cổ phần ARC Bình Dương	Mua hàng hóa dịch vụ	<u>382.560.824</u>	<u>359.823.171</u>
		476.960.824	407.983.171

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát được trình bày như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Hội Đồng Quản Trị		
Thù lao	580.000.000	600.000.000
Ban Tổng Giám đốc		
Lương và thưởng	2.604.079.834	2.098.268.750
Ban Kiểm soát		
Thù lao	66.000.000	66.000.000
TỔNG CỘNG	3.250.079.834	2.764.268.750

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tập đoàn hiện đang thuê văn phòng và nhà kho theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Dưới 1 năm	13.969.706.302	14.643.463.118
Từ 1 đến 5 năm	30.280.760.927	28.923.694.994
Trên 5 năm	135.251.865.446	136.655.495.880
TỔNG CỘNG	179.502.332.675	180.222.653.992



31. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Vào ngày 29 tháng 4 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt Nghị quyết Số 07/2025/NQ-HĐQT về việc mua 7.135.000 cổ phiếu phát hành riêng lẻ của Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C ("GCF"). Vào ngày 25 tháng 7 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc mua số lượng cổ phiếu nói trên với tổng số tiền là 214.050.000.000 VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong GCF tăng từ 42,43% lên 52,87%, và chính thức trở thành công ty mẹ nắm quyền chi phối GCF kể từ thời điểm này.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2025

Vũ Minh Đức
Người lập

Nguyễn Thị Ánh Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Bảo Tùng
Tổng Giám đốc

EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2025 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn